

Chương 8: Các nguồn tài chính của doanh nghiệp (phần 1)

1. Các nguồn ngân quỹ do doanh nghiệp tự tài trợ
2. Các nguồn tài trợ từ ngoài doanh nghiệp
3. Các hình thức tài trợ chủ yếu
4. Những khác biệt chủ yếu giữa nguồn tài trợ ngắn hạn và nguồn tài trợ dài hạn
5. Những khác biệt chủ yếu giữa nợ vay và vốn cổ phần
6. Nguồn tài trợ ngắn hạn
7. Nguồn tài trợ dài hạn

Các nguồn ngân quỹ do DN tự tài trợ

- Quỹ khấu hao cơ bản
- Quỹ tích lũy tái đầu tư phát triển sản xuất
- Nguồn tài chính do điều chỉnh cơ cấu tài sản

Các nguồn tài trợ từ ngoài doanh nghiệp

- Ngân hàng thương mại
- Công ty tài chính
- Công ty cho thuê
- Các nhà đầu tư là tổ chức
- Các nhà đầu tư cá nhân

Những hình thức tài trợ chủ yếu

- Tài trợ ngắn hạn: thời hạn hoàn vốn dưới 1 năm
- Tài trợ dài hạn: thời hạn hoàn vốn dài hơn 1 năm
- Nợ: Là những khoản vay, thuê tài sản ngắn hạn và dài hạn
- Vốn cổ phần: là tiền vốn của các nhà đầu tư

Những khác biệt chủ yếu giữa nguồn tài trợ ngắn hạn và nguồn tài trợ dài hạn

- Nguồn tài trợ ngắn hạn:
 - Thời hạn hoàn trả ngắn hơn 1 năm
 - Nếu chúng thuộc hình thức tín dụng thương mại thì không phải trả lãi
 - Chi phí thấp hơn các hình thức tài trợ khác
 - Thường thuộc hình thức nợ vay
- Nguồn tài trợ dài hạn:
 - Thời gian đáo hạn dài hơn hơn 1 năm
 - Phải trả lãi cho các khoản nợ vay dài hạn và chia cổ tức cho vốn cổ phần
 - Nhìn chung có chi phí cao hơn nguồn tài trợ ngắn hạn

Những khác biệt chủ yếu giữa nợ vay và vốn cổ phần

1. Nợ vay:

- Tiền lãi phải trả thường được ấn định trước
- Tỷ lệ trả lãi trên nợ vay có thể là tỷ lệ cố định tùy theo sự thoả thuận khi nhận được khoản vay
- Phải có các khoản thế chấp để đảm bảo cho nợ vay

2. Vốn cổ phần:

- Là nguồn gốc huy động từ các chủ sở hữu
- Những người cung cấp vốn cổ phần được hưởng lợi tức cổ phần
- Những người cung cấp vốn sẽ không được nhận lợi tức nếu công ty không làm ra được lợi nhuận

Nguồn tài trợ ngắn hạn

1. Nguồn tài trợ ngắn hạn không do vay mượn
 - Nợ phải trả hay tín dụng thương mại: do mua hàng hoá của các nhà cung cấp trả chậm
 - Nợ tích lũy: có được do chậm thanh toán lương , thưởng, thuế, thuê mượn thiết bị nhà xưởng, điện, nước....
2. Nguồn tài trợ ngắn hạn không có bảo đảm

2. Nguồn tài trợ ngắn hạn không có bảo đảm (tiếp)

- Hạn mức tín dụng thấu chi
- Hợp đồng tín dụng tuần hoàn
- Tín dụng thư
- Cho vay theo hợp đồng

3. Nguồn tài trợ ngắn hạn có bảo đảm

- Vay thế chấp bằng khoản phải thu
- Mua nợ
- Vay thế chấp bằng hàng hoá
- Chiết khấu các thương phiếu

1. *Hạn mức tín dụng hay thấu chi*

- Là một thoả thuận giữa cty và ngân hàng mà theo đó ngân hàng đồng ý tạo sẵn một khoảng tín dụng nào đó cho cty. Ví dụ, nếu thoả thuận qui định cho một cty là 500.000 \$, Có nghĩa là cty có thể mượn số tiền lên tới 500.000.
- số tín dụng này thường được thiết lập trên cơ sở hàng năm.
- Tại thời điểm kết thúc năm, ngân hàng sẽ xem xét lại tình hình hoạt động của cty và gia hạn hay điều chỉnh tổng mức tín dụng cho năm sau.

2. *Thoả thuận tín dụng tuần hoàn*

- Nó cũng tương tự như hạn mức tín dụng
- Khác là cam kết chính thức và mang tính pháp lí (một hợp đồng) do ngân hàng đưa ra để tài trợ tín dụng cho doanh nghiệp theo tổng mức tín dụng tối đa đã thoả thuận.
- Cty có nghĩa vụ trả cho ngân hàng khoản phí sử dụng nguồn ngân quỹ trên toàn bộ hạn mức tín dụng đã thoả thuận.
- Đổi lại ngân hàng dành cho cty đặc quyền sử dụng nguồn tín dụng được tạo ra tùy theo nhu cầu của họ.

Ví dụ:

Năm 2005 cty dầu mỏ TEXAS thương lượng một hợp đồng tín dụng luân chuyển cho 100 triệu đôla với một ngân hàng. Ngân hàng thỏa thuận chính thức cho cty vay trong 4 năm ví số tiền lên đến 100 tr đôla khi cần thiết. Đổi lại, cty phải trả phí cam kết hàng năm là 0,25% trên số vốn trong hạn mức mà cty không sử dụng để bù đắp cho ngân hàng vì đã cam kết cho vay. Vì thế, nếu cty không vay khoản nào trong 100 tr đôla theo thỏa thuận trong suốt 1 năm, cty sẽ phải thanh toán 250.000 đôla phí thường niên, thông thường trả mỗi tháng 20.883,33 đôla. Nếu cty vay 50 tr đôla vào ngày đầu tiên kí hợp đồng, phần không sử dụng của hạn mức tín dụng giảm còn 50 tr đôla, và phí thường niên giảm xuống 125.000 đôla. Dĩ nhiên, cty phải thanh toán lãi suất cho khoản đã vay 50 tr đôla.

3. Tín dụng thư

- Tín dụng thư chủ yếu được sử dụng cho nhập khẩu hàng hoá
- Là một cam kết do một ngân hàng phát hành tới một nhà xuất khẩu thuộc một quốc gia khác
- Ngân hàng cam kết sẽ thanh toán cho những hàng hoá được chuyên chở bằng tàu cho nhà nhập khẩu, nếu nhà xuất khẩu tuân theo đúng những điều khoản ghi trong tín dụng thư

4. *Cho vay theo hợp đồng*

- thoả thuận tài trợ theo từng giao dịch cụ thể, từng hợp đồng
- Hoàn trả nợ càng sớm càng tốt theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhận tiền của khách hàng
- Đối tác kí kết hợp đồng càng tín nhiệm thì khả năng cho vay càng được xem xét

5. *Vay có thể chấp bằng khoản phải thu*

- Dùng các hoá đơn thu tiền làm vật bảo đảm cho khoản vay
- Ngân hàng đánh giá chất lượng các hoá đơn thu tiền làm vật thế chấp
- Xác định giá trị khoản cho vay tương xứng với giá trị khoản phải thu thường giao động từ 20% đến 90% giá trị danh nghĩa của khoản phải thu tùy theo độ rủi ro của khoản thu

6. *Mua nợ*

- Các định chế tài chính (ngân hàng, cty mua nợ, cty tài chính) có thể mua những khoản phải thu
- Sau khi mua nợ, bên mua có trách nhiệm thu hồi các khoản nợ theo các chứng từ đã mua và chịu mọi rủi ro khi gặp những món nợ khó đòi
- Cty mua nợ kiểm tra vị thế tài chính của con nợ trước khi trả giá cho các khoản nợ,
- Chi phí huy động vốn theo hình thức này khá cao..vì gồm chi phí kiểm tra tư cách tín dụng của khách hàng, chi phí cho những rủi ro không thu hồi được nợ

8. Vay thế chấp bằng hàng hoá

- Các hàng hoá, tài sản được sử dụng để thế chấp cho những khoản vay ngắn hạn
- Hạn mức cho vay tùy thuộc vào khả năng chuyển đổi nhanh, sự ổn định về giá cả, xác suất rủi ro của tài sản thế chấp và vị thế tín dụng của doanh nghiệp
 - Vay thế chấp bằng hàng hóa di chuyển được: xi măng, bột mì. Ngân hàng thường yêu cầu cty chuyển hàng hóa vào một kho chứa hàng công cộng, trước khi chấp nhận cho vay.
 - Vay kí thác bằng chứng từ hàng lưu kho công kênh: chỉ cần các chứng từ lưu kho của hh gỗ, sắt thép.
 - Vay kí thác bằng hàng hóa: Đối với hàng hóa có thể dễ dàng nhận diện và có giá trị lớn trên thị trường như: xe hơi, thiết bị...
 - Để đương:
 - Ngân hàng chỉ giữ giấy phép sở hữu tài sản, còn vật thế chấp vẫn thuộc quyền quản lí của người vay.

9. Chiết khấu thương phiếu

- Cty có hoạt động xuất khẩu có thể sử dụng thương phiếu để chiết khấu trên thị trường tiền tệ (lấy tiền)
- Cty có thể chiết khấu hối phiếu xuất khẩu trả tiền trước và hối phiếu xuất khẩu có thời hạn tại bộ phận chiết khấu thuộc ngân hàng để nhận được những khoản tiền vốn ngắn hạn

Nguồn tài trợ dài hạn

1. Thuê mua trả góp
2. Tín dụng thuê mua
3. Các khoản vay định kì hay có kì hạn
4. Phát hành trái phiếu, kì phiếu

1. *Thuê mua trả góp*

- CTy lập một hợp đồng với chủ tài sản hay một định chế tài chính
- Cty trả ngay một phần giá trị tài sản và phần còn lại thanh toán theo nhiều kì, vào những thời điểm được ấn định trước, mỗi lần trả một phần giá trị của tài sản cùng một phần tiền lãi.
- Trong thời hạn thi hành hợp đồng, quyền sở hữu tài sản do *người bán - người cho thuê* giữ và nó được chuyển cho *người mua- người thuê* vào thời điểm hết hạn hợp đồng nếu người thuê hoàn thành tốt các nghĩa vụ theo qui định

2. *Tín dụng thuê tài sản*

- Cty tiến hành thuê một tài sản như máy photocopy, máy vi tính, xe ô tô...Cty được quyền sử dụng tài sản và phải thanh toán tiền thuê theo định kì cho người chủ tài sản
- Hợp đồng được thiết lập giữa cty và chủ tài sản có thể qui định rằng, cty không được quyền trả lại tài sản và cũng không được từ chối thanh toán tiền thuê trong thời hạn thuê mượn cơ bản, nó cũng cho phép cty được quyền trả lại tài sản sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thông báo trước với chủ sở hữu theo qui định trong hợp đồng

3. Các khoản vay định kì hay có kì hạn

- Cty có thể vay ngân hàng với thời hạn dài hơn 1 năm
- Các tài sản thế chấp thường là: quyền sử dụng đất đai, các loại máy móc, các loại bất động sản, những khoản kí quỹ có thời hạn, ngoại tệ các loại, các chứng khoán, cổ phiếu của các cty cổ phần đại chúng

....

4. *Phát hành trái phiếu, kì phiếu*

Đặc điểm chủ yếu của trái phiếu và kì phiếu:

- Chúng thường có đơn vị phát hành ví dụ 1000 \$.
- Chúng thường có một tỷ lệ lãi suất cố định
- Thời hạn đáo hạn cố định
- Độ dài của thời gian đáo hạn thay đổi tùy theo loại phát hành

Những thuận lợi của phát hành trái phiếu

- Không ảnh hưởng đến sự kiểm soát công tác lãnh đạo
- Trái phiếu có mức lãi suất cố định. Vốn cổ phần của cổ đông không bị “ pha loãng “, vì không có những chủ sở hữu tham gia chia lợi nhuận
- Cty có thể vay vốn với chi phí cố định, và có thể sử dụng số vốn này để thu được tỷ lệ hoàn vốn cao trên vốn đầu tư của họ

trái phiếu



trái phiếu

LOẠT ---SECRET SỐ 10004431EB	VIỆT-NAM CỘNG-HÒA	CHI HOÀN NGÂN TẠI NGÂN-KHO ...SAIGON...
TRÁI - PHIẾU CẢI-CÁCH ĐIỆN-ĐỊA		TRỊ GIÁ VN *****68.311*
Chi hành Luật/Số 003/70 ngày 26/3/1970 và Sắc lệnh/Số 072/SL/CCDD/PTNN ngày 3.6.1970		
Ngày phát hành 17-12-1972		
Tổng Giám Đốc Ngân Khố Việt Nam sẽ trả ngày 26-03-80 cho ĐỖ MINH CHÂU		
Số tiền SÁU MƯƠI TÁM NGÀN BA TRĂM MƯƠI MỘT ĐỒNG		
là trị giá của trái phiếu này gồm vốn và lãi		
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA TỔNG-TRƯỞNG TÀI-CHÍNH-CHÁNH CƠ-QUAN TRUNG-ƯƠNG TÀI-CHÁNH	TỔNG-TRƯỞNG CẢI-CÁCH ĐIỆN-ĐỊA VÀ PHÁT-TRIỂN NÔNG-NGƯ-MỤC DIỆN-ĐỊA	1341534
NGUYỄN-VĂN-SƠN		BƯỞI-HỮU-TIỀN PRINTED IN U.S.A.

Cổ phiếu



Các hình thức tăng vốn khác

1. Cổ phần ưu đãi
2. Cổ phần thường
(Sinh viên tự nghiên cứu)